TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2022/DS-PT
Ngày 14 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp đòi QSDĐ
bị lấn chiếm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn;

Ông Nguyễn Quốc Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm*".

Do Bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2022/QĐ-PT ngày 01/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2022/QĐ-PT ngày 22/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**; sinh năm: 1967. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 03 ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn T**; sinh năm: 1940; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Nguyễn Văn C**; sinh năm: 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị S (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị P (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Văn N (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 08 ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2016, biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2019, Đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/3/2022 cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng là của ông nội ông Nguyễn Văn T khai phá trước năm 1975, sau này cho cha mẹ ông là Lê Thị D và Nguyễn Văn L, và ông được cha mẹ cho lại quản lý sử dụng, khi ông đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê thì ông C lấn chiếm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2019, ông Nguyễn Văn D yêu cầu ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất có diện tích ngang 9,5m, dài 12,2m (đất trước nền mộ). Đồng thời, tại Đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/3/2022, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông phần đất theo phiếu xác nhận hiện trạng thửa đất ngày 15/3/2021 có diện tích 69,2m^2 (phần đất trước nền mộ) thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa, ông D giữ nguyên ý kiến yêu cầu ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T trả lại đất lấn chiếm có diện tích 69,2m^2 thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Tại đơn yêu cầu ngày 20/3/2018, biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2017 đối với ông Nguyễn Văn T, ông T trình bày: Ông cho rằng phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng từ ông Danh Hồng D và có làm giấy viết tay ngày 22/11/1991, nhưng trong giấy viết tay ông để cho con là Nguyễn Thanh C đứng tên mua. Đến năm 1994 thì ông được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 51, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, ông không có nhận chuyển nhượng đất của ông D như ông D đã trình bày và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu ông trả lại đất tranh chấp. Ông thống nhất với số liệu đo đạc tại phiếu xác nhận hiện trạng thửa đất ngày 15/3/2021 và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu ông và ông C trả lại phần đất có diện tích 69,2m^2 thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do cha ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng từ ông Danh Hồng D, khi chuyển nhượng có làm giấy viết tay ngày 22/11/1991. Đến năm 1994 thì cha ông Nguyễn Văn T được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 51, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi nhận chuyển nhượng thì cha ông quản lý sử dụng và có trồng cây và quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị T cũng có cất nhà ở trên đất tranh chấp một thời gian, sau này khi Bà Nguyễn Thị T không ở thì ông T cho lại ông Nguyễn Văn C (do lâu quá nên không nhớ rõ thời điểm

nào) quản lý sử dụng và nuôi vịt trên đất tranh chấp, đến sau năm 2005 thì ông trồng cây và sử dụng cho đến nay. Ông thống nhất với số liệu đo đạc tại phiếu xác nhận hiện trạng thửa đất ngày 15/3/2021 và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu ông trả 69,2m^2 đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Tại Bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, án sơ thẩm tuyên như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C trả lại phần đất có diện tích 69,2m^2 thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho hộ gia đình nguyên đơn ông Nguyễn Văn D, đất có vị trí tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa 49 có số đo 11,70m; hướng tây giáp phần bờ kinh thủy lợi có số đo 10,89m; hướng nam giáp thửa 51 có số đo 6,03m; hướng bắc giáp thửa 49 có số đo 6,64m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ di dời (trường hợp không di dời được thì phải chặt) 11 cây tràm và 01 cây bạch đàn tọa lạc tại phần đất nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T chịu tổng cộng là 2.634.800 đồng. Do nguyên đơn ông Nguyễn Văn D đã tạm ứng thanh toán nên buộc bị đơn ông C và ông T phải trả lại số tiền này cho nguyên đơn Nguyễn Văn D.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/7/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn C nộp trực tiếp đơn kháng cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn C rút một phần đơn kháng cáo về việc hủy án sơ thẩm, chỉ yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 12/7/2022 Tòa án nhân dân thị xã N mở phiên tòa xét xử vụ án và tuyên án vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 14/7/2022. Khi xét xử nguyên đơn, bị đơn C có mặt; Đến ngày 25/7/2022 tống đạt bản án cho các đương sự. Đến ngày 29/7/2022 bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo; Tại giấy xác nhận đã nhận đơn kháng cáo số 25/GB-TA ngày 29/7/2022; Thông báo số 25/TB-TA ngày 29/7/2022,về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Đến ngày 05/8/2022 bị đơn ông Nguyễn Văn C nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Thông báo kháng cáo số 28/TB-TA ngày 05/8/2022. Đến ngày 11/10/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án số 143 đối với các đương sự nêu trên.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C gửi trực tiếp tại Tòa án nhân dân thị xã N vào ngày 29/7/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Văn C kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút lại yêu cầu hủy án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 284 Bộ luật dân sự năm 2015, xem xét lại toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét về nguồn gốc đất: Phía bị đơn ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn C cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Nguyễn Văn T nhận chuyển

nhượng từ ông Danh Hồng D , khi nhận chuyển nhượng có làm giấy viết tay đề ngày 22/11/1991. Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2018 đối với ông Danh Hồng D, ông D trình bày: "Phần đất mà tôi chuyển nhượng cho ông T trước đây không có liên quan gì đến phần đất tranh chấp hiện nay giữa ông D và ông T hết lý do là vì phần đất tôi chuyển nhượng cho ông T cặp với phần đất của ông D (khoảng một công mấy tầm cấy) rồi mới đến phần mộ (phần đất trước mộ) mà ông T và ông D đang tranh chấp hiện nay". Tại biên bản lấy lời khai ông Phạm Quốc V, ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Văn Q thì đều khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông Nguyễn Văn D là bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn L. Như vậy, phía bị đơn ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Danh Hồng D là không đúng, qua lời trình bày của ông D, ông Việt, ông Phong, ông Quyền có cơ sở khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ nguyên đơn ông Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị D là đúng sự thật.

[3] Về quá trình sử dụng đất: Phía bị đơn cho rằng, sau khi nhận chuyển nhượng vào năm 1991 thì ông Nguyễn Văn T quản lý sử dụng đất tranh chấp và có trồng cây và quản lý, sử dụng, Bà Nguyễn Thị T cũng có cất nhà ở trên đất tranh chấp một thời gian, sau này khi Bà Nguyễn Thị T không ở thì ông T cho lại ông Nguyễn Văn C (do lâu quá nên không nhớ rõ thời điểm nào) quản lý sử dụng và nuôi vịt trên đất tranh chấp này, đến sau năm 2005 thì ông C trồng cây và sử dụng cho đến nay. Phía nguyên đơn cho rằng, phần đất tranh chấp trước đây do cha mẹ ông quản lý, sử dụng và cho lại ông, sau này Bà Nguyễn Thị T có hỏi mượn mẹ ông là bà Lê Thị D để cất nhà ở và được mẹ ông đồng ý, do hoàn khó khăn nên ông đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê kiếm sống thì ông C vô lấn chiếm đất. Khi về địa phương phát hiện ông C chiếm đất nên ông mới khởi kiện yêu cầu trả lại đất như hiện nay. Xét thấy, phía bị đơn trình bày quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ khi nhận chuyển nhượng từ ông Danh Hồng D vào năm 1991 nhưng phần đất bị đơn nhận chuyển nhượng của ông D như đã nhận định tại mục [2] thì không thuộc phần đất tranh chấp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2017 đối với Bà Nguyễn Thị T, bà Tư trình bày, bà có mượn phần đất tranh chấp hiện nay từ mẹ của ông D là bà Lê Thị D để cất nhà ở và được mẹ ông D đồng ý, sau này khi bà không còn ở nữa thì ông C mới lấy miếng đất này để trồng cây. Như vậy, việc bị đơn trình bày là sử dụng đất tranh chấp từ năm 1991 cho đến nay là không có cơ sở.

[4] Đối với cây trồng trên đất, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/3/2021 thì gồm có 11 cây tràm loại B, và 01 cây bạch đàn loại A, tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận lại giá phù hợp với giá thị trường và thống nhất tất cả cây trồng là do ông C trồng. Tuy nhiên, phía bị đơn ông C thống nhất trong trường hợp nếu nguyên đơn khởi kiện có căn cứ thì bị đơn đồng ý tự chặt cây đem về không yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ chi phí di dời.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp diện tích 69,2m^2 thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của phía gia đình nguyên đơn Nguyễn Văn D do ông nội nguyên đơn khai phá để lại cho cha mẹ nguyên đơn và cha mẹ nguyên

đơn cho lại nguyên đơn quản lý, sử dụng. Đồng thời, trong quá trình sử dụng có cho Bà Nguyễn Thị T quản lý sử dụng một thời gian. Do hoàn cảnh khó khăn nên nguyên đơn phải đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê trong thời gian này thì phía bị đơn ông Nguyễn Văn C lấn chiếm sử dụng để trồng cây cho đến nay. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất tranh chấp diện tích 69,2m^2 thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và buộc phía bị đơn phải di dời toàn bộ cây trồng nêu trên trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C không có cơ sở cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, cho nên người kháng cáo ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D;

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C trả lại phần đất có diện tích 69,2m^2 thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho hộ gia đình nguyên đơn ông Nguyễn Văn D, đất có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng đông giáp thửa 49 có số đo 11,70m;

+ Hướng tây giáp phần bờ kinh thủy lợi có số đo 10,89m;

+ Hướng nam giáp thửa 51 có số đo 6,03m;

+ Hướng bắc giáp thửa 49 có số đo 6,64m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ di dời (trường hợp không di dời được thì phải chặt) 11 cây tràm và 01 cây bạch đàn tọa lạc tại phần đất nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T chịu tổng cộng là 2.634.800 đồng. Do nguyên đơn ông Nguyễn Văn D đã tạm ứng thanh toán nên buộc bị đơn ông C và ông T phải trả lại số tiền này cho nguyên đơn Nguyễn Văn D.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn D được miễn án phí do hộ nghèo.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông C đã nộp theo biên lai thu số 0002665, ngày 05/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ông C đã thực hiện xong án phí phúc thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Toàn **Nguyễn Quốc Định**	**Nguyễn Văn Dũ**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX Ngã Năm;
- Chi cục THADS TX Ngã Năm;
- Các đương sự (06);
- Tòa DS;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũ